

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 300 /UBND-NV
V/v quản lý, sử dụng Hồ sơ điện tử
cán bộ, công chức, viên chức

Quận 12, ngày 11 tháng 01 năm 2016

Kính gửi:

- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn;
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường.

Căn cứ Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 12 ban hành Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức Quận 12;

Xét đề nghị của Phòng Nội vụ tại Báo cáo số 01/BC-NV ngày 05 tháng 01 năm 2016 về tình hình quản lý, sử dụng Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 12;

Qua xem xét Ủy ban nhân dân quận có ý kiến như sau:

1. Phê bình đối với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chưa cập nhật đầy đủ Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị; (Đính kèm Danh sách cụ thể các cơ quan, đơn vị)

2. Không nâng bậc lương trước thời hạn và nâng bậc lương thường xuyên đối các cơ quan, đơn vị chưa cập nhật đầy đủ Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức;

3. Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị bố trí người có chuyên môn về công nghệ thông tin để thực hiện việc quản lý, sử dụng, cập nhật Hồ sơ điện tử cán, công chức, viên chức (có Quyết định phân công cụ thể) và phải đảm bảo việc quản lý Hồ sơ điện tử theo chế độ "Mật" được quy định tại Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

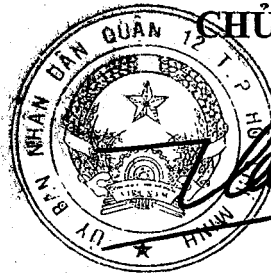
4. Từ nay đến hết ngày 12 tháng 01 năm 2016, yêu cầu các cơ quan, đơn vị phải cập nhật đầy đủ Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị;

5. Giao Trưởng phòng Nội vụ chỉ đạo bộ phận phụ trách thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc quản lý, sử dụng, cập nhật Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan, đơn vị và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận để xem xét xử lý trách nhiệm (nếu có).

Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo đến các cơ quan, đơn vị biết để thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV(Hi).



CHỦ TỊCH

Lê Trương Hải Hiếu

**ĐỀ NGHỊ PHÊ BÌNH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHƯA CẬP NHẬT ĐẦY ĐỦ HỒ SƠ ĐIỆN TỬ CÁN BỘ,
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRÊN PHẠM VI QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐIỆN TỬ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**
(Đính kèm Công văn số 350 /UBND-ĐT ngày 01 tháng 01 năm 2016 của Phòng Nội vụ Quận 12)

Stt	Tên đơn vị	Số lượng biên chế được giao năm 2015		Số lượng người làm việc theo bảng lương			Số hồ sơ được cập nhật	Ghi chú
		CBCC VC	Không chuyên trách	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Phòng Văn hóa và Thông tin	8		8	7	1	6	Ngày tuyển dụng, Phụ cấp, Khen thưởng, Kỷ luật, thiếu 01 hồ sơ CBCC
2	Phòng Kinh tế	11		11	11		11	Hình CBCC, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường	27		31	24	7	24	Hình CBVC, Bảng cấp, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật
4	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	20		28	14	14	27	Sở trường công tác, Quan hệ gia đình, Phụ cấp, Khen thưởng, Kỷ luật
5	Trung tâm Thể dục - Thể thao	13		10	5	5	10	Hình CBCC, Bảng cấp, Quan hệ gia đình, Quá trình công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, Sở trường công tác, BHXH
6	Bệnh viện	200		162	149	13	162	Sở trường công tác, Quá trình công tác, Bảng cấp, Khen thưởng, Kỷ luật
7	Trung tâm Y tế dự phòng	200		172	153	19	172	Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, Chuyên ngành
8	Ủy ban nhân dân phường Thạnh Lộc	25	25	46	25	21	46	Loại CBCC, Bảng cấp, Chuyên ngành, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Nơi sinh, Quê quán

Stt	Tên đơn vị	Số lượng biên chế được giao năm 2015		Số lượng người làm việc theo bảng lương			Số hồ sơ được cập nhật	Ghi chú
		CBCC VC	Không chuyên trách	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng		
9	Ủy ban nhân dân phường Thạnh Xuân	25	24	46	23	23	46	Hình CBCC, Cơ quan sử dụng, Quá trình công tác, Sở trường công tác, Bằng cấp, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Loại CBCC
10	Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông	25	23	46	23	23	44	Hình CBCC, Cơ quan tuyển dụng, Quá trình công tác, Sở trường công tác, Bằng cấp, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Loại CBCC, thiếu 02 hồ sơ CBCC
11	Ủy ban nhân dân phường Thới An	25	23	46	24	22	45	Loại CBCC, Sở trường công tác, Chuyên ngành, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Phụ cấp, thiếu 01 hồ sơ CBCC
12	Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp	25	31	50	24	26	49	Quá trình công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, thiếu 01 hồ sơ CBCC
13	Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp	25	28	46	24	22	29	Hình CBCC, Quá trình công tác, Sở trường công tác, Quan hệ gia đình, Bằng cấp, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Chuyên ngành, thiếu 18 hồ sơ CBCC
14	Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành	25	39	57	25	32	57	Quê quán, Khen thưởng, Kỷ luật, Chuyên ngành, BHXH, Sở trường công tác
15	Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng Thuận	25	23	40	21	19	40	Hình CBCC, Quá trình công tác, Sở trường công tác, Bằng cấp, Khen thưởng, Kỷ luật, Ngày cấp CMND, BHXH
16	Ủy ban nhân dân phường Đông Hưng Thuận	25	26	47	24	23	47	Ngày tuyển dụng, Quê quán, Khen thưởng, Kỷ luật, Quá trình công tác, BHXH, Chuyên ngành

Stt	Tên đơn vị	Số lượng biên chế được giao năm 2015		Số lượng người làm việc theo bảng lương			Số hồ sơ được cập nhật	Ghi chú
		CBCC VC	Không chuyên trách	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng		
17	Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây	25	27	52	25	27	46	Sở trường công tác, Chuyên ngành, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Loại CBCC, Phụ cấp, thiếu 06 hồ sơ CBCC
18	Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất	25	31	49	22	27	49	BHXH, Chuyên ngành
19	Trường Mầm non Sơn Ca	21		21	21		29	Loại CBCC, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật
20	Trường Mẫu giáo Sơn Ca 1	22		24	21	3	37	Loại CBCC, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
21	Trường Mầm non Sơn Ca 2	12		13	13		18	Loại CBCC, Khen thưởng, Kỷ luật
22	Trường Mầm non Sơn Ca 3	20		20	19	1	32	Loại CBCC, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, Cơ quan sử dụng CBCC, Quan hệ gia đình, Bằng cấp
23	Trường Mầm non Sơn Ca 4	10		14	11	3	18	Loại CBCC, Khen thưởng, Kỷ luật
24	Trường Mầm non Sơn Ca 6	45		46	44	2	63	Bằng cấp, Quá trình công tác, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật
25	Trường Mầm non Sơn Ca 7	12		11	11		18	Quá trình công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Chuyên ngành
26	Trường Mầm non Sơn Ca 8	28		27	27		40	Loại CBCC, Bằng cấp, Quê quán, Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Ngày cấp CMND
27	Trường Mầm non Sơn Ca 9	21		23	22	1	37	Loại CBCC, Bằng cấp, Quá trình công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH

Stt	Tên đơn vị	Số lượng biên chế được giao năm 2015		Số lượng người làm việc theo bảng lương			Số hồ sơ được cập nhật	Ghi chú
		CBCC VC	Không chuyên trách	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng		
28	Trường Mầm non Hòa Mi 1	30		31	29	2	53	Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Chức vụ, Phong chữ
29	Trường Mẫu giáo Hòa Mi 2	32		34	30	4	45	Quan hệ gia đình, Bằng cấp, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, Cơ quan sử dụng
30	Trường Mầm non Bé Ngoan	25		22	22		37	Quá trình công tác, Loại CBCC, Bằng cấp, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Chuyên ngành
31	Trường Mẫu giáo Bông Sen	15		18	16	2	25	Loại CBCC, Quá trình công tác, Quê quán, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
32	Trường Mầm non Vàng Anh	21		24	22	2	35	Loại CBCC, Bằng cấp, Quan hệ gia đình, Khen thưởng, Kỷ luật
33	Trường Tiểu học Hà Huy Giáp	70		66	65	1	80	Loại CBCC, Quá trình công tác, Bằng cấp, Quan hệ gia đình, Nơi sinh, Quê quán, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
34	Trường Tiểu học Hồ Văn Thanh	34		35	34	1	41	Quá trình công tác, Bằng cấp, Kỷ luật
35	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	120		122	121	1	136	Quan hệ gia đình, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
36	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	40		38	38		55	Loại CBCC, Quê quán, Quá trình công tác, Cơ quan sử dụng CBCC, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH

Stt	Tên đơn vị	Số lượng biên chế được giao năm 2015		Số lượng người làm việc theo bảng lương			Số hồ sơ được cấp nhật	Ghi chú
		CBCC VC	Không chuyên trách	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng		
37	Trường Tiểu học Nguyễn Du	41		45	42	3	58	Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Quê quán, Bằng cấp, Sở trường công tác, Kỷ luật, BHXH
38	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình	51		54	54		70	Loại CBCC, Quá trình công tác, Bằng cấp, Sở trường công tác, Nơi sinh, Quê quán, Khen thưởng, Kỷ luật
39	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định	40		38	38		55	Loại CBCC, Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Bằng cấp, Nơi sinh, Quê quán, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
40	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	50		54	52	2	61	Loại CBCC, Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Nơi sinh, Quê quán, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Phụ cấp
41	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	90		90	89	1	101	Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Bằng cấp, Cơ quan sử dụng CBCC, Nơi sinh, Quê quán, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
42	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thê	27		27	27		34	Quá trình công tác, Bằng cấp, Quan hệ gia đình, Cơ quan sử dụng CBCC, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
43	Trường Tiểu học Phạm Văn Chiêu	54		56	55	1	67	Bằng cấp, Quá trình công tác, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, Phụ cấp
44	Trường Tiểu học Quang Trung	46		48	45	3	59	Loại CBCC, Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH

Stt	Tên đơn vị	Số lượng biên chế được giao năm 2015		Số lượng người làm việc theo bảng lương			Số hồ sơ được cập nhật	Ghi chú
		CBCC VC	Không chuyên trách	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng		
45	Trường Tiểu học Quới Xuân	52		51	50	1	63	Loại CBCC, Bằng cấp, Quê quán, Sở trường công tác, Đặc điểm lịch sử bản thân, Khen thưởng, Kỷ luật, Cơ quan sử dụng CBCC
46	Trường Tiểu học Thuận Kiều	48		50	47	3	59	Bằng cấp, Quan hệ gia đình, Khen thưởng, Kỷ luật, Chuyên ngành, BHXH, Phụ cấp
47	Trường Tiểu học Trần Quang Cơ	80		82	80	2	93	Loại CBCC, Quá trình công tác, Nơi sinh, Quê quán, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
48	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	42		42	41	1	52	Loại CBCC, Bằng cấp, Quan hệ gia đình, Nơi sinh, Quê quán, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Ngày cấp CMND
49	Trường Tiểu học Trương Định	35		34	34		42	Loại CBCC, Bằng cấp, Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Quê quán, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH, Ngày cấp CMND, Chuyên ngành
50	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	58		60	59	1	68	Bằng cấp, Nơi sinh, Quê quán, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
51	Trường Trung học cơ sở An Phú Đông	66		69	64	5	78	Loại CBCC, Quan hệ gia đình, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
52	Trường Trung học cơ sở Lương Thế Vinh	56		58	56	2	68	Loại CBCC, Bằng cấp, Nơi sinh, Quê quán, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH

Stt	Tên đơn vị	Số lượng biên chế được giao năm 2015		Số lượng người làm việc theo bảng lương				Số hồ sơ được cập nhật	Ghi chú
		CBCC VC	Không chuyên trách	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng			
53	Trường Trung học cơ sở Nguyễn An Ninh	111		118	114	4	126		Loại CBCC, Bằng cấp, Quan hệ gia đình, Nơi sinh, Quê quán, Số trường công tác, Khen thưởng, Kỳ luật, Ngày cấp CMND, BHXH
54	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Ảnh Thủ	53		57	56	1	66		Loại CBCC, Nơi sinh, Quê quán, Khen thưởng, Kỳ luật, BHXH
55	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hiền	129		126	124	2	146		Loại CBCC, Nơi sinh, Quê quán, Quan hệ gia đình, Cơ quan sử dụng, Khen thưởng, Kỳ luật, BHXH
56	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Huệ	107		110	108	2	130		Loại CBCC, Bằng cấp, Quê quán, Quan hệ gia đình, Kỳ luật, BHXH
57	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực	28		37	37		42		Loại CBCC, Quá trình công tác, Bằng cấp, Cơ quan quản lý, Cơ quan sử dụng CBCC, Nơi sinh, Quê quán, Số trường công tác, Khen thưởng, Kỳ luật, BHXH
58	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp	67		71	69	2	79		Loại CBCC, Quá trình công tác, Bằng cấp, Quan hệ gia đình, Nơi sinh, Quê quán, Số trường công tác, Cơ quan sử dụng CBCC, Nơi sinh, Quê quán, Khen thưởng, Kỳ luật, BHXH
59	Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu	131		137	137		151		Loại CBCC, Quá trình công tác, Bằng cấp, Quan hệ gia đình, Nơi sinh, Quê quán, Số trường công tác, Cơ quan sử dụng CBCC, Nơi sinh, Quê quán, Khen thưởng, Kỳ luật, BHXH

Stt	Tên đơn vị	Số lượng biên chế được giao năm 2015		Số lượng người làm việc theo bảng lương			Số hồ sơ được cập nhật	Ghi chú
		CBCC VC	Không chuyên trách	Tổng cộng	Biên chế	Hợp đồng		
60	Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo	67		67	67		80	Loại CBCC, Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Bằng cấp, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, Cơ quan sử dụng CBCC, BHXH
61	Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải	116		121	118	3	134	Loại CBCC, Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Bằng cấp, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, Cơ quan sử dụng CBCC, BHXH
62	Trường Bồi dưỡng Giáo dục	13		5	5		13	Bằng cấp, Loại CBCC, Quan hệ gia đình, Quê quán, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, BHXH
63	Trường Chuyên biệt Ánh Dương	30		9	9		25	Quá trình công tác, Quê quán, Bằng cấp Loại CBCC, Quan hệ gia đình, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật, Ngày cấp CMND
64	Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	10		23	21	2	9	Quá trình công tác, Quan hệ gia đình, Sở trường công tác, Khen thưởng, Kỷ luật
TỔNG CỘNG		3.030	300	3.275	2.887	388	3.738	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12